

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

HỌC PHẦN: Ô TÔ Số Tín chỉ: 4 LỚP: 13CD-01
HỌC KỲ: I NĂM HỌC: 2015 - 2016

TT	MSSV	Họ tên sinh viên	Điểm bảo lưu	LBT1	THL1	LBT2	THL2	LBT3	THL3	GHP	THI CHÍNH	Điểm HP
				20%						30%	50%	
1	13D2050293	Đặng Trần Hoàng Ân		5	10	7				6	8.0	7.3
2	13D2050002	Hồ Tuấn Anh		4	8	7				6	7.0	6.6
3	13D2050006	Lê Vạn Bảo		4	10	5				7	5.5	6.1
4	13D2050007	Dương Văn Bình		4	10	5				6	6.0	6.1
5	13D2050008	Ngô Xuân Bình		7	10	6				7	7.0	7.1
6	13D2050011	Đặng Minh Châu		4	10	7				6	4.0	5.2
7	13D2050294	Nguyễn Đình Quốc Cường		5	9	5				6	5.0	5.6
8	13D2050013	Nguyễn Mạnh Cường		5	10	8				8	5.0	6.4
9	13D2050017	Nguyễn Tiến Dân		0	0	0				0	0.0	0.0
10	13D2050031	Lê Vũ Đạt		7	10	7				8	7.5	7.8
11	13D2050032	Nguyễn Tấn Đạt		5	8	5				6	0.0	3.0
12	13D2050041	Nguyễn Hữu Đức		5	10	7				8	7.0	7.4
13	13D2050042	Nguyễn Văn Đức		5	9	5				6	5.0	5.6
14	13D2050022	Lê Triều Dương		5	7	7				6	8.0	7.1
15	13D2050023	Võ Đại Dương		5	8	5				6	5.0	5.5
16	13D2050027	Tạ Quốc Duy		6	9	7				5	6.0	6.0
17	13D2050046	Lê Thanh Hải		5	8	5				6	0.0	3.0
18	13D2050052	Trần Trọng Hân		6	10	6				7	7.0	7.1
19	13D2050058	Nguyễn Chí Hào		5	9	7				8	7.5	7.6
20	13D2050062	Lư Trung Hậu		5	9	7				7	5.0	6.0
21	13D2050307	Nguyễn Đức Hậu		7	10	7				7	7.0	7.2
22	13D2050304	Nguyễn Minh Hiền		7	9	5				7	5.0	6.0
23	13D2050067	Trần Nguyên Hiệp		5	9	6				5	5.5	5.6
24	13D2050068	Giáp Văn Hiếu		8	10	8				9	6.5	7.7
25	13D2050306	Trần Ngọc Hồ		7	8	5				6	6.5	6.4
26	13D2050072	Đỗ Văn Hóa		4	9	5				6	6.0	6.0
27	13D2050290	Đoàn Hữu Hòa		4	9	5				5	6.5	6.0
28	13D2050073	Nguyễn Minh Hoàng		7	9	6				8	7.5	7.6
29	13D2050295	Trịnh Đức Hùng		5	10	6				8	5.0	6.3
30	13D2050077	Lê Văn Hưng		5	8	5				7	6.0	6.3
31	13D2050081	Bùi Quang Huy		4	10	6				5	2.0	3.8
32	13D2050086	Trần Hữu Huy		5	10	7				8	6.0	6.9
33	13D2050087	Trần Mạnh Huy		5	9	6				6	8.0	7.1
34	13D2050091	Nguyễn Dương Khang		5	9	7				6	5.5	6.0
35	13D2050101	Nguyễn Đức Lộc		0	0	0				0	0.0	0.0
36	13D2050276	Nguyễn Văn Lợi		5	10	6				7	6.0	6.5
37	13D2050103	Đinh Hoàng Long		4	9	7				7	5.0	5.9
38	13D2050108	Nguyễn Phi Long		7	9	5				7	5.5	6.3
39	13D2050110	Trần Ngọc Long		5	9	5				7	5.0	5.9
40	13D2050111	Vòng Văn Lực		0	0	0				0	0.0	0.0
41	13D2050266	Bùi Xuân Nam		6	10	6				6	5.5	6.0
42	13D2050141	Trần Duy Nhứt		5	10	6				7	6.5	6.8
43	13D2050151	Mai Hữu Phước		5	10	7				7	6.0	6.6
44	13D2050156	Nguyễn Hoàng Quân		8	10	7				8	6.0	7.1
45	13D2050157	Chê Vinh Quang		5	10	5				6	5.5	5.9
46	13D2050161	Trần Quý		5	10	7				8	6.0	6.9
47	13D2050166	Huỳnh Văn Sinh		5	10	6				7	5.0	6.0
48	13D2050171	Nguyễn Minh Tâm		5	10	7				8	6.0	6.9
49	13D2050181	Trần Việt Thắng		7	10	7				8	5.0	6.5

TT	MSSV	Họ tên sinh viên	Điểm bảo lưu	LBT1	THL1	LBT2	THL2	LBT3	THL3	GHP	THI CHÍNH	Điểm HP
				20%						30%	50%	
51	13D2050211	Phạm Minh Tiến		7	10	6				6	5.0	5.8
52	13D2050216	Lương Văn Tình		5	10	5				7	5.0	5.9
53	13D2050221	Nguyễn Hữu Minh Trí		5	10	4				6	5.0	5.6
54	12D2050084	Nguyễn Minh Trí		5	10	5				8	3.0	5.2
55	13D2050286	Lê Văn Trọng		5	8	7				7	5.0	5.9
56	13D2050226	Nguyễn Đức Trọng		5	10	5				8	6.0	6.7
57	13D2050236	Hà Anh Tú		4	10	5				7	5.0	5.9
58	13D2050241	Nguyễn Minh Tuấn		5	7	5				6	6.5	6.2
59	13D2050288	Phan Đoàn Anh Tuấn		7	9	5				8	6.5	7.1
60	13D2050275	Phạm Tuyền		5	10	7				7	6.5	6.8
61	13D2050251	Nguyễn Hoàng Việt		5	10	5				6	6.5	6.4

Yêu cầu : Khoa niêm yết cho sinh viên, lưu Giáo vụ Khoa và nộp bản chính cho Phòng TS - Đào tạo - GTVL.

Tổng danh sách có : 61 SV

Tổng số SV có điểm Giỏi từ 8,5 đ đến 10 đ	: 0 SV	(0%)	
Tổng số SV có điểm Khá từ 7 đ đến <8,5 đ	: 13 SV	(21.31%)	Tổng số SV có điểm >= 4 đ : 55 SV (90.16%)
Tổng số SV có điểm Trung bình từ 5,5 đ đến <7 đ	: 40 SV	(65.57%)	
Tổng số SV có điểm Trung bình yếu từ 4 đ đến <5,5 đ	: 2 SV	(3.28%)	
Tổng số SV có điểm kém <4 đ	: 6 SV	(9.84%)	Tổng số SV có điểm < 4 đ : 6 SV (9.84%)
Tổng số SV không xếp loại vì chưa đủ điều kiện	: 0 SV	(0%)	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 12 năm 2015

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIÁO VIÊN GIẢNG DẠY

NGUYỄN ANH TUẤN

NGUYỄN HỮU MẠNH

NGUYỄN HỮU MẠNH